

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 06-3-2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Hoàn;
2. Ông Hoàng Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cẩm Thị D, sinh năm 1997.

Địa chỉ bản K, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ bản K, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Cẩm Thị D trình bày như sau:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Cẩm Thị D và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã N vào ngày 17 tháng 02 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại bản K, xã T, thị xã N; quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do hai người không hiểu nhau, không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi vã; anh H còn đánh đập chị D. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, anh H cũng đã xin lỗi chị D và gia đình bên ngoại, nhưng được một thời gian lại xảy ra mâu thuẫn. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

+ Con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 17/01/2020. Sau khi ly hôn chị D đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung và nợ chung: Chị Cẩm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn, quá trình chung sống giữa anh H và chị D đúng như chị D trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là hai người không hợp nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, chị D xin ly hôn, anh H không đồng ý và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

+ Con chung: Giữa anh H và chị D có một con chung như chị D trình bày. Sau ly hôn, anh đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung và nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh ngày 17/02/2025 tại bản Khá Hạ: Chị D và anh H đều đăng ký hộ khẩu tại bản Khá Hạ, xã T, thị xã N. Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh H phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do trong làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát; đến trước tết nguyên đán năm 2025 anh H đã đưa con về quê ở tỉnh Phú Thọ sinh sống và hai người đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Cẩm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M cho anh Nguyễn Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí DSST: Chị Cẩm Thị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Chị Cẩm Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Cẩm Thị D và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã N, vào ngày 17 tháng 02 năm 2020 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị D và anh H là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng chị D và anh H cùng xác định phát sinh nhiều mâu thuẫn; hiện hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cẩm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

[3] Con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 17/01/2020. Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2025 chị D và anh H thống nhất giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của chị D và anh H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, nên cần được công nhận.

- Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Mạnh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Cẩm Thị D và anh Nguyễn Mạnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Cẩm Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cẩm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Mạnh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 17/01/2020; chị Cẩm Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Cẩm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Cẩm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: AA/2024 0001347 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị D đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Thanh Lương;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân